Ký bởi: Ủy ban Nhân dân huyện Đức Cơ
Email: ubnnducco@gialai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Gia Lai
Ngày ký: 22-10-2021 14:59:25 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC CƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2280 /UBND-KT Về việc đề nghị tuyên truyền bán đấu giá QSD đất	*Đức Cơ, ngày 22 tháng 10 năm 2021*

Kính gửi:
- Các cơ quan đơn vị;
- Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao;
- UBN các xã, thị trấn.

Thực hiện Quyết định số 2602/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 của UBND huyện, về việc chỉ định tổ chức đấu giá QSD đất năm 2021. Để công tác đấu giá QSD đất trên địa bàn huyện đạt kết quả cao, UBND huyện chỉ đạo như sau:

1. Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn:

Tuyên truyền, phổ biến cho cán bộ, công chức, nhân dân về việc đấu giá tài sản QSD đất trên địa bàn huyện Đức Cơ theo Thông báo đấu giá số 273//2021/TBĐG-ĐP ngày 19/10/2021 của Doanh nghiệp Đấu giá tư nhân Đại Pháp.

(Có thông báo đấu giá kèm theo)

2. Giao Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao

Phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường để triển khai công tác tuyên truyền việc đấu giá quyền sử dụng đất của huyện bằng loa xe lưu động, đưa thông tin đấu giá QSD đất trên hệ thống loa truyền thanh, truyền hình huyện các ngày trong thời gian từ ngày 25/10/2021 đến ngày 09/11/2021 để nhân dân biết tham gia đấu giá.

3. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường:

Phối hợp với các Đơn vị tiến hành các thủ tục để tổ chức đấu giá QSD đất đảm bảo đúng quy định pháp luật. Theo dõi tổng hợp báo cáo kết quả về UBND huyện trước ngày 15/11/2021.

Nhận đươc công văn này yêu cầu các cơ quan, đơn vị, UBND các xã và thị trấn phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận: - Như trên; - Lãnh đạo UBND huyện; VP; - Lưu: TNMT,.L.T	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **KT. CHỦ TỊCH** **PHÓ CHỦ TỊCH** **Trần Ngọc Phận**

DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ
TƯ NHÂN ĐẠI PHÁT
Số: 273-ĐC/2021/TBĐG-DP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Tp. Pleiku, ngày 19 tháng 10 năm 2021

THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Thực hiện Hợp đồng dịch vụ đấu giá số: 273/2021/HĐDVĐGTS, ngày 19/10/2021 giữa phòng Tài nguyên - Môi trường huyện Đức Cơ *(Đơn vị thực hiện đấu giá)* và Doanh nghiệp Đấu Giá tư nhân Đại Phát *(đơn vị tổ chức đấu giá tài sản)* về việc đấu giá tài sản quyền sử dụng đất tại các khu quy hoạch trên địa bàn huyện Đức Cơ. Doanh nghiệp Đấu Giá tư nhân Đại Phát thông báo đấu giá tài sản như sau:

1.Tên tài sản bán đấu giá: Quyền sử dụng đất

- Tổng số lô đất bán đấu giá : **136 lô** (kèm theo danh sách chi tiết)
- Tổng diện tích đất bán đấu giá: **28.032,9 m^2**
- Tổng giá trị khởi điểm bán đấu giá: **40.693.422.000đ** *(Bằng chữ:Bốn mươi tỷ sáu trăm chín mươi ba triệu, bốn strawm hai mươi hai ngàn đồng). Cụ thể:*

TT	Vị trí, địa điểm lô đất đấu giá	Loại đất đấu giá	số lô đất đấu giá	diện tích đất đấu giá (m^2)	Giá khởi điểm (đ)
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
A	**Đất ở đô thị (thị trấn Chư Ty) : 101 lô**				
I	**Đường Quang Trung (Quốc lộ 19) vị trí 1, đoạn đường từ đường vào trường THCS Nguyễn Hiền đến Đường vào Sư đoàn BB DBĐV 15 (cũ): 10 lô**				
1	Khu B (Đường Quang Trung (Quốc lộ 19)	Đất ở đô thị	10 lô (từ Lô B8 đến Lô B17)	2.100	6.993.000.000
II	**Đường tuyến 2 - QH Đ1 (khu vực Tổ dân phố 7) đoạn đường từ đường vào trường THCS Nguyễn Hiền đến Đường Phan Bội Châu: 91 lô**				
1	Khu B - (Đường tuyến 2)	Đất ở đô thị	26 lô (Lô B32; từ Lô B34 đến Lô B42; Lô B 44; Lô B47; Lô B48 và từ Lô B50 đến Lô B62)	5.504	7.893.504.000
2	Khu C – Đường tuyến 2-QH Đ1	Đất ở đô thị	28 lô (từ Lô C1 đến Lô C18)	5924	7.641.132.000
3	Khu D – Đường tuyến 2-QH Đ1	Đất ở đô thị	22 lô (từ Lô D23 đến Lô D44)	4.664	5.652.480.000
4	Khu E – Đường tuyến 2-QH Đ1	Đất ở đô thị	15 lô (từ Lô E1 đến Lô E15)	3.172	3.834.240.000
B	Xã Ia Kriêng: 11 Lô				
I	**Thửa đất số B50, tờ bản đồ QH, tại đường Nguyễn Thái Học (đường vào xã Ia Kriêng: đất ở Nông thôn, Khu vực 1 -VT3**				
1	Thửa đất số B50, tờ bản đồ QH, tại đường Nguyễn Thái Học, KV1-VT3	Đất ở nông thôn	Thửa đất số B50	231	138.600.000
II	**Đường Quốc lộ 19, thôn Ia Lâm, gần BCHQS huyện, đất ở nông thôn, Khu vực 1 - vị trí 1, đoạn đường từ ranh giới UBND xã Ia Krêl đến ranh giới xã Ia Kriêng -- TT Chư Ty: 10 lô**				

Scanned with CamScanner

1	Khu A(Đường Quốc lộ 19)	Đất ở nông thôn	10 lô (từ Lô A1 đến Lô A9 và Lô A11)	1770	4.012.008.000
C	**Xã Ia Dom: 17 lô**				
I	**Thửa đất số 97, tờ bản đồ 105, tại thôn Mook Den 2, xã Ia Dom: đất ở Nông thôn, Khu vực 2 -VT1**				
1	Thửa đất số 97, tờ bản đồ 105, tại thôn Mook Đen 2	Đất ở nông thôn	Thửa đất số 97, tờ bản đồ 105	231	266.112.000
II	**Đường Quốc lộ 19, thôn Ia Mút, Đất ở nông thôn, Khu vực 1 - vị trí 2, đoạn đường từ ranh giới xã Ia Dom - Ia Kla đến đường vào trạm xá Công Ty 72: 16 Lô**				
1	Khu F (Đường Quốc Lộ 19)	Đất ở nông thôn	16 lô (từ Lô F13 đến Lô F28)	2770,9	3.657.588.000
D	**Xã Ia Din: 07 lô**				
I	**Đường liên xã đi xã Ia lang, Đất ở nông thôn, Khu vực 1- vị trí 3, đoạn từ hết ranh giới đội thuế số 1 đến ngã 3 sân bóng: 07 lô**				
1	Khu B, Đường liên xã đi xã Ia Lang	Đất ở nông thôn	07 lô (từ Lô B17 đến Lô B23)	1,666	604.758.000

2. Nguồn gốc: Quyền sử dụng đất do nhà nước quản lý;

3. Hình thức giao đất, loại đất giao, thời hạn giao và hình thức thu tiền:

Hình thức giao đất: Giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua đấu giá; Loại đất đấu giá: Đất ở đô thị; Đất ở nông thôn; Thời hạn giao đất: Lâu dài; Hình thức thu tiền: thu tiền một lần.

4. Tiền đặt trước: 10% giá khởi điểm của mỗi lô đất.

5.Thời gian nộp tiền đặt trước: trong thời hạn 03 ngày làm việc trước ngày mở cuộc đấu giá (*Trừ trường hợp người đăng ký tham gia đấu giá có nhu cầu, tự nguyện đề nghị được nộp tiền đặt trước trước thời hạn này được quy định tại khoản 2 điều 39 của Luật đấu giá tài sản năm 2016).*

6. Thời gian nhận và nộp phiếu trả giá đấu giá: Ngày 09/11/2021 đến 15 giờ 00 phút ngày 11/11/2021 tại Tài nguyên - Môi trường huyện Đức Cơ (trong giờ hành chính)

7.Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá: Giá khởi điểm từ 200 triệu đồng trở xuống là 100.000 đồng/hồ sơ; Từ 200 triệu đến 500 triệu đồng là 200.000 đồng/hồ sơ; trên 500 triệu đồng là 500.000 đồng/hồ sơ

8.Thời gian xem tài sản: Từ ngày thông báo niêm yết đến ngày 05/11/2021

Địa điểm xem tài sản: Khách hàng tham gia đấu giá được trực tiếp xem tài sản đấu giá theo thông báo công khai đến trước ngày mở cuộc đấu giá. Xem thực tế tại nơi có lô đất đấu giá và hồ sơ công khai các lô đất đấu giá tại:

+ Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện Đức Cơ

Địa chỉ : Thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, Gia Lai

+ Trụ sở UBND Thị trấn Chư Ty, xã Ia Dom, xã Ia Kriêng, xã Ia Din

+ Doanh nghiệp Đấu giá tư nhân Đại Phát

Địa chỉ: 239A Duy Tân, Phường Diên Hồng, TP. Pleiku, Gia Lai.

9.Thời gian bán, nhận, kết thúc hồ sơ tham gia đấu giá: Từ ngày thông báo niêm yết việc đấu giá đến 14 giờ 30 ngày 09/11/2021 (trong giờ hành chính).

10.Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá: Khách hàng đăng ký tham gia đấu giá phải nộp đơn đăng ký, tiền mua hồ sơ, tiền đặt trước theo quy định. Trừ các trường hợp pháp luật quy định không được phép tham gia đấu giá.

Scanned with CamScanner

11.Ngày công bố giá đấu giá: Lúc 8 giờ 00 phút, ngày 12/11/2021

12.Địa điểm công bố giá (dự kiến): Tại Hội trường UBND thị trấn Chư Ty huyện Đức Cơ.

13.Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu gián tiếp;

14.Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên

15.Địa điểm bán hồ sơ, bỏ phiếu trả giá tại hai nơi: Doanh nghiệp Đấu giá tư nhân Đại Phát, Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện Đức Cơ.

16.Thông tin liên hệ (để đăng ký và biết xem chi tiết):

- Doanh nghiệp Đấu giá tư nhân Đại Phát số 239A Duy Tân, Phường Diên Hồng, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai. ĐT: 02693.887.339;
- Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện Đức Cơ.

Nơi thông báo:

- *Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện Đức Cơ;*
- *Báo Thanh Niên (đăng báo);*
- *UBND huyện Đức Cơ ;*
- *UBND Thị trấn Chư ty;*
- *UBND các xã Ia Dom, xã Ia Din; xã Ia Kriêng*
- *Trang Wep về đấu giá tài sản – Bộ tư pháp;*
- *Trang Wep tài sản công– Bộ tài chính*
- *Lưu HS đấu giá.*

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 5901033169 - D.N.D.G.T.N
DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TƯ NHÂN ĐẠI PHÁT
TP. PLEIKU - T. GIA LAI

TRƯƠNG THÁI TÚ LAM

Scanned with CamScanner

DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ
TƯ NHÂN ĐẠI PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Kèm theo Thông báo số: 273/2021/TBĐG-ĐP ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Đại Phát)

TT	Tên lô đất	Ký Hiệu Lô	Diện tích (m2)/lô	Thành tiền (đồng)	Tiền Đặt trước	phí tham gia	Ghi chú
A	**Đất ở đô thị (thị trấn Chư Ty) Vị trí 1 : 101 lô**						
I	**Đường Quang Trung (Quốc lộ 19) đất ở đô thị vị trí 1, đoạn đường từ đường vào trường THCS Nguyễn Hiền đến Đường vào Sư đoàn BB DBĐV 15 (cũ): 10 lô**						
1	Khu B (Đường Quang Trung)	B8	210	699.300.000	69.930.000	500.000	
2	Khu B (Đường Quang Trung)	B9	210	699.300.000	69.930.000	500.000	
3	Khu B (Đường Quang Trung)	B10	210	699.300.000	69.930.000	500.000	
4	Khu B (Đường Quang Trung)	B11	210	699.300.000	69.930.000	500.000	
5	Khu B (Đường Quang Trung)	B12	210	699.300.000	69.930.000	500.000	
6	Khu B (Đường Quang Trung)	B13	210	699.300.000	69.930.000	500.000	
7	Khu B (Đường Quang Trung)	B14	210	699.300.000	69.930.000	500.000	
8	Khu B (Đường Quang Trung)	B15	210	699.300.000	69.930.000	500.000	
9	Khu B (Đường Quang Trung)	B16	210	699.300.000	69.930.000	500.000	
10	Khu B (Đường Quang Trung)	B17	210	699.300.000	69.930.000	500.000	
	Cộng		**2.100**	**6.993.000.000**			
II	**Đường tuyến 2 - QH Đ1 đất ở đô thị, (khu vực TD phố 7) đoạn đường từ đường vào trường THCS Nguyễn Hiền đến Đường Phan Bội Châu: 91 lô**						
1	Khu B (ĐườngTuyến 2)	B32	232	363.312.000	36.330.000	200.000	
2	Khu B (ĐườngTuyến 2)	B34	210	298.620.000	29.860.000	200.000	
3	Khu B (ĐườngTuyến 2)	B35	210	298.620.000	29.860.000	200.000	
4	Khu B (ĐườngTuyến 2)	B36	210	298.620.000	29.860.000	200.000	

Scanned with CamScanner

5	Khu B (ĐườngTuyến 2)	B37	210	298.620.000	29.860.000	200.000	
6	Khu B (ĐườngTuyến 2)	B38	210	298.620.000	29.860.000	200.000	
7	Khu B (ĐườngTuyến 2)	B39	210	298.620.000	29.860.000	200.000	
8	Khu B (ĐườngTuyến 2)	B40	210	298.620.000	29.860.000	200.000	
9	Khu B (ĐườngTuyến 2)	B41	210	298.620.000	29.860.000	200.000	
10	Khu B (ĐườngTuyến 2)	B42	210	298.620.000	29.860.000	200.000	
11	Khu B (ĐườngTuyến 2)	B44	210	298.620.000	29.860.000	200.000	
12	Khu B (ĐườngTuyến 2)	B47	210	298.620.000	29.860.000	200.000	
13	Khu B (ĐườngTuyến 2)	B48	210	298.620.000	29.860.000	200.000	
14	Khu B (ĐườngTuyến 2)	B50	210	298.620.000	29.860.000	200.000	
15	Khu B (ĐườngTuyến 2)	B51	210	298.620.000	29.860.000	200.000	
16	Khu B (ĐườngTuyến 2)	B52	210	298.620.000	29.860.000	200.000	
17	Khu B (ĐườngTuyến 2)	B53	210	298.620.000	29.860.000	200.000	
18	Khu B (ĐườngTuyến 2)	B54	210	298.620.000	29.860.000	200.000	
19	Khu B (ĐườngTuyến 2)	B55	210	298.620.000	29.860.000	200.000	
20	Khu B (ĐườngTuyến 2)	B56	210	298.620.000	29.860.000	200.000	
21	Khu B (ĐườngTuyến 2)	B57	210	298.620.000	29.860.000	200.000	
22	Khu B (ĐườngTuyến 2)	B58	210	298.620.000	29.860.000	200.000	
23	Khu B (ĐườngTuyến 2)	B59	210	298.620.000	29.860.000	200.000	
24	Khu B (ĐườngTuyến 2)	B60	210	298.620.000	29.860.000	200.000	
25	Khu B (ĐườngTuyến 2)	B61	210	298.620.000	29.860.000	200.000	
26	Khu B (ĐườngTuyến 2)	B62	232	363.312.000	36.330.000	200.000	
	Cộng		**5.504**	**7.893.504.000**			
	Khu C				-		

Scanned with CamScanner

1	Khu C - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	C1	232	306.240.000	30.620.000	200.000	Lô góc
2	Khu C - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	C2	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
3	Khu C - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	C3	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
4	Khu C - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	C4	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
5	Khu C - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	C5	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
6	Khu C - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	C6	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
7	Khu C - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	C7	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
8	Khu C - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	C8	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
9	Khu C - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	C9	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
10	Khu C - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	C10	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
11	Khu C - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	C11	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
12	Khu C - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	C12	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
13	Khu C - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	C13	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
14	Khu C - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	C14	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
15	Khu C - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	C15	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
16	Khu C - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	C16	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
17	Khu C - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	C17	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
18	Khu C - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	C18	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
19	Khu C - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	C19	210	298.620.000	29.860.000	200.000	
20	Khu C - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	C22	210	298.620.000	29.860.000	200.000	
21	Khu C - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	C24	210	298.620.000	29.860.000	200.000	
22	Khu C - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	C25	210	298.620.000	29.860.000	200.000	
23	Khu C - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	C26	210	298.620.000	29.860.000	200.000	
24	Khu C - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	C27	210	298.620.000	29.860.000	200.000	

Scanned with CamScanner

25	Khu C - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	C28	210	298.620.000	29.860.000	200.000	
26	Khu C - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	C29	210	298.620.000	29.860.000	200.000	
27	Khu C - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	C30	210	298.620.000	29.860.000	200.000	
28	Khu C - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	C31	232	363.312.000	36.330.000	200.000	
	Cộng		**5.924**	**7.641.132.000**			
	Khu D				-		
1	Khu D - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	D23	232	306.240.000	30.620.000	200.000	Lô góc
2	Khu D - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	D24	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
3	Khu D - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	D25	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
4	Khu D - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	D26	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
5	Khu D - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	D27	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
6	Khu D - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	D28	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
7	Khu D - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	D29	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
8	Khu D - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	D30	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
9	Khu D - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	D31	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
10	Khu D - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	D32	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
11	Khu D - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	D33	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
12	Khu D - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	D34	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
13	Khu D - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	D35	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
14	Khu D - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	D36	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
15	Khu D - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	D37	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
16	Khu D - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	D38	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
17	Khu D - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	D39	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
18	Khu D - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	D40	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
19	Khu D - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	D41	210	252.000.000	25.200.000	200.000	

Scanned with CamScanner

20	Khu D - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	D42	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
21	Khu D - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	D43	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
22	Khu D - Đường tuyến 2 - QH Đ1)	D44	232	306.240.000	30.620.000	200.000	Lô góc
	Cộng		**4.664**	**5.652.480.000**			
1	Khu E (Đường tuyến 2 - QH Đ1)	E1	232	306.240.000	30.620.000	200.000	
2	Khu E (Đường tuyến 2 - QH Đ1)	E2	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
3	Khu E (Đường tuyến 2 - QH Đ1)	E3	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
4	Khu E (Đường tuyến 2 - QH Đ1)	E4	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
5	Khu E (Đường tuyến 2 - QH Đ1)	E5	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
6	Khu E (Đường tuyến 2 - QH Đ1)	E6	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
7	Khu E (Đường tuyến 2 - QH Đ1)	E7	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
8	Khu E (Đường tuyến 2 - QH Đ1)	E8	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
9	Khu E (Đường tuyến 2 - QH Đ1)	E9	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
10	Khu E (Đường tuyến 2 - QH Đ1)	E10	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
11	Khu E (Đường tuyến 2 - QH Đ1)	E11	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
12	Khu E (Đường tuyến 2 - QH Đ1)	E12	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
13	Khu E (Đường tuyến 2 - QH Đ1)	E13	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
14	Khu E (Đường tuyến 2 - QH Đ1)	E14	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
15	Khu E (Đường tuyến 2 - QH Đ1)	E15	210	252.000.000	25.200.000	200.000	
	Cộng		**3.172**	**3.834.240.000**			
	Cộng (4 khu)		**21.364**	**32.014.356.000**			
B	**Xã Ia Kriêng: 11 lô**				-		
I	**Thửa đất số B50, tờ bản đồ QH, tại đường Nguyễn Thái Học (đường vào xã Ia Kriêng: đất ở Nông thôn, Khu vực 1 -VT3**				-		
1	Thửa đất số B50, tờ bản đồ QH, tại đường Nguyễn Thái Học, KV1-VT3	231		138.600.000	13.860.000	100.000	Lô góc
II	**Đường Quốc lộ 19, thôn Ia Lâm, gần BCHQS huyện, đất ở nông thôn, Khu vực 1 - vị trí 1, đoạn đường từ ranh giới UBND xã Ia Krêl đến ranh giới xã Ia Kriêng -- TT Chư Ty: 10 lô**				-		

Scanned with CamScanner

1	Khu A(Đường Quốc lộ 19)	A1	258	635.712.000	63.570.000	500.000	Lô góc
2	Khu A(Đường Quốc lộ 19)	A2	168	375.144.000	37.515.000	200.000	
3	Khu A(Đường Quốc lộ 19)	A3	168	375.144.000	37.515.000	200.000	
4	Khu A(Đường Quốc lộ 19)	A4	168	375.144.000	37.515.000	200.000	
5	Khu A(Đường Quốc lộ 19)	A5	168	375.144.000	37.515.000	200.000	
6	Khu A(Đường Quốc lộ 19)	A6	168	375.144.000	37.515.000	200.000	
7	Khu A(Đường Quốc lộ 19)	A7	168	375.144.000	37.515.000	200.000	
8	Khu A(Đường Quốc lộ 19)	A8	168	375.144.000	37.515.000	200.000	
9	Khu A(Đường Quốc lộ 19)	A9	168	375.144.000	37.515.000	200.000	
10	Khu A(Đường Quốc lộ 19)	A11	168	375.144.000	37.515.000	200.000	
	Cộng		**1.770**	**4.012.008.000**			
	Cộng (2 khu)		**2.001**	**4.150.608.000**			
C	**Xã Ia Dom: 17 lô**				-		
I	**Thửa đất số 97, tờ bản đồ 105, tại thôn Mook Đen 2, xã Ia Dom: đất ở Nông thôn, Khu vực 2 -VT1**				-		
1	Thửa đất số 97, tờ bản đồ 105, tại thôn Mook Đen 2,		231	266.112.000	26.610.000	200.000	
II	**Đường Quốc lộ 19, thôn Ia Mút, Đất ở nông thôn, Khu vực 1 - vị trí 2, đoạn đường từ ranh giới xã Ia Dom - Ia Kla đến đường vào trạm xá Công Ty 72: 16 Lô**				-		
1	Khu F (Đường Quốc Lộ 19)	F13	174	229.680.000	22.970.000	200.000	
2	Khu F (Đường Quốc Lộ 19)	F14	174	229.680.000	22.970.000	200.000	
3	Khu F (Đường Quốc Lộ 19)	F15	174	229.680.000	22.970.000	200.000	
4	Khu F (Đường Quốc Lộ 19)	F16	174	229.680.000	22.970.000	200.000	
5	Khu F (Đường Quốc Lộ 19)	F17	174	229.680.000	22.970.000	200.000	
6	Khu F (Đường Quốc Lộ 19)	F18	174	229.680.000	22.970.000	200.000	
7	Khu F (Đường Quốc Lộ 19)	F19	174	229.680.000	22.970.000	200.000	
8	Khu F (Đường Quốc Lộ 19)	F20	174	229.680.000	22.970.000	200.000	
9	Khu F (Đường Quốc Lộ 19)	F21	174	229.680.000	22.970.000	200.000	

Scanned with CamScanner

10	Khu F (Đường Quốc Lộ 19)	F22	174	229.680.000	22.970.000	200.000	
11	Khu F (Đường Quốc Lộ 19)	F23	174	229.680.000	22.970.000	200.000	
12	Khu F (Đường Quốc Lộ 19)	F24	174	229.680.000	22.970.000	200.000	
13	Khu F (Đường Quốc Lộ 19)	F25	160,9	212.388.000	21.240.000	200.000	
14	Khu F (Đường Quốc Lộ 19)	F26	174	229.680.000	22.970.000	200.000	
15	Khu F (Đường Quốc Lộ 19)	F27	174	229.680.000	22.970.000	200.000	
16	Khu F (Đường Quốc Lộ 19)	F28	174	229.680.000	22.970.000	200.000	
	Cộng		**2.770,9**	**3.657.588.000**			
	Cộng (2 khu)		**3.001,9**	**3.923.700.000**			
D	**Xã Ia Din: 07 lô**						
	Đường liên xã đi xã Ia lang, Đất ở nông thôn, Khu vực 1- vị trí 3, đoạn từ hết ranh giới đội thuế số 1 đến ngã 3 sân bóng: 07 lô				-		
1	Khu B, Đường liên xã đi xã Ia Lang	B17	238	86.394.000	8.640.000	100.000	
2	Khu B, Đường liên xã đi xã Ia Lang	B18	238	86.394.000	8.640.000	100.000	
3	Khu B, Đường liên xã đi xã Ia Lang	B19	238	86.394.000	8.640.000	100.000	
4	Khu B, Đường liên xã đi xã Ia Lang	B20	238	86.394.000	8.640.000	100.000	
5	Khu B, Đường liên xã đi xã Ia Lang	B21	238	86.394.000	8.640.000	100.000	
6	Khu B, Đường liên xã đi xã Ia Lang	B22	238	86.394.000	8.640.000	100.000	
7	Khu B, Đường liên xã đi xã Ia Lang	B23	238	86.394.000	8.640.000	100.000	
	Cộng		**1.666,0**	**604.758.000**			
	Tổng Cộng		**28.032,9**	**40.693.422.000**			

Scanned with CamScanner